TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: **19**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09.4.2024
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình
Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ ,TP Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **341**/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2024 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Thanh Th,** sinh năm: 1984.(có mặt)
Địa chỉ: Tổ 13, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

-Bị đơn: Anh **Lê T,** sinh năm: 1977.(vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 13, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày; biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và anh Lê T quen nhau được 02 năm rồi kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng vào ngày 08/11/2004.

Sau khi cưới chúng tôi sống tại nhà ba mẹ tôi ở phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng; đến năm 2021 thì chúng tôi không thường xuyên sống cùng nhau do mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp; anh T sống không có trách nhiệm với vợ con; ham chơi không lo làm ăn.

Hiện nay tôi không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê T.

-Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là: Lê Nhật T1, sinh ngày 17/5/2005 và Lê Nhật T2, sinh ngày 14/7/2009.

Hiện nay cả 02 con chung đều đang sống cùng tôi.

Ly hôn con chung Lê Nhật T1 đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Đối với con chung Lê Nhật T2 thì tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T vẫn vắng mặt không có lý do và anh T cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn anh Lê T đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập do vậy căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Th đối với anh Lê T:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh Th được ly hôn với anh Lê T.

- Về quan hệ con chung: Đối với con chung Lê Nhật T1, sinh ngày 17/5/2005 đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Xử giao con chung là Lê Nhật T2, sinh ngày 14/7/2009 cho chị Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên anh Lê T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Th xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Chị Th xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Th phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Chị Nguyễn Thị Thanh Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung đối với anh Lê T và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị Th là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn anh Lê T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê T.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Lê T tự tìm hiểu được 02 năm rồi kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng vào ngày 08/11/2004 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Th anh T sống tại nhà ba mẹ chị Th ở phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

Theo chị Th thì vợ chồng chị bắt đầu mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2021 và từ đó vợ chồng chị không thường xuyên sống cùng nhau do mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp; anh T sống không có trách nhiệm với vợ con; ham chơi không lo làm ăn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Th xác định chị không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê T.

[2.3] Trong qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để cho anh Lê T có ý kiến nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay anh T vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Vì vậy HĐXX quyết định xử vắng mặt anh Lê T.

[2.4] Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa chị Th và anh T không có đời sống hôn nhân thực sự, thực tế hiện nay hai người không chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không có, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình Tòa án xác minh tại địa phương cũng xác nhận vợ chồng chị Th và anh T hiện không sống cùng nhau; anh T thường xuyên vắng nhà và ít quan tâm đến vợ con.

Căn cứ Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh Lê T là hợp lý.

[2.5] Về con chung: Chị Th xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Nhật T1, sinh ngày 17/5/2005 và Lê Nhật T2, sinh ngày 14/7/2009. Hiện nay các con chung đều đang sống cùng với chị Th. Vợ chồng ly hôn, chị Th đề nghị Tòa án giao cháu Lê Nhật T2, sinh ngày 14/7/2009 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung là Lê Nhật T1, sinh ngày 17/5/2005 đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[2.5.1] Xét nguyện vọng của chị Th thì thấy: Đối với con chung Lê Nhật T1, sinh ngày 17/5/2005 đã trưởng thành nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Đối với con chung là cháu Lê Nhật T2 hiện đang sống cùng mẹ là chị Th. Chị Th có công việc ổn định và có thu nhập nên đảm bảo điều kiện về vật chất và tinh thần tốt nhất cho sự phát triển của cháu T2, cũng như cháu T2 rất cần sự chăm sóc chu đáo của mẹ; ngoài ra theo trình bày của cháu T2 thì cháu T2 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do vậy, HĐXX nghĩ nên giao cháu T2 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[2.5.2] Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị Th không có yêu cầu và anh T cũng không có ý kiến về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.6] Về tài sản chung: Chị Th xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.7] Về nợ chung: Chị Th xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.8] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Th phải chịu theo quy định pháp luật.

[2.9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Th đối với anh Lê T. Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh Th được ly hôn với anh Lê T; về con chung: đối với con chung là Lê Nhật T1, sinh ngày 17/5/2005 đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết, giao con chung là Lê Nhật T2, sinh ngày 14/7/2009 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy không đề cập giải quyết; Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Th đối với anh Lê T về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*.

I/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh Th được ly hôn với anh Lê T**.**

II/ Về quan hệ con chung:

-Đối với con chung là Lê Nhật T1, sinh ngày 17/5/2005 đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Xử: Giao con chung là cháu Lê Nhật T2, sinh ngày 14/7/2009 cho chị Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

III/ Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

IV/ Về quan hệ nợ chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

V/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Th đã nộp tại biên lai thu số 0001885 ngày 11/10/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ. Chị Thương đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Thanh Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Lê T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ ;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy CNKH số: 202/2004 ngày 08/11/2004)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga